|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN LONG BIÊN  **TRƯỜNG THCS VIỆT HƯNG** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I**  **NĂM HỌC: 2023-2024**  **MÔN ĐỊA LÝ** |

**A. NỘI DUNG ÔN TẬP: Từ tuần 1 đến tuần 14**

**1- Kiến thức:** Kiểm tra lại các đơn vị kiến thức đã học về:

**+ Chủ đề 1**: Địa lý dân cư Việt Nam và địa lý kinh tế Việt Nam

**+ Chủ đề 2**: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ: vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**+ Chủ đề 3**: Vùng Đồng bằng sông Hồng: vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Đồng bằng sông Hồng

**+ Chủ đề 4**: Vùng Bắc Trung Bộ: vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng

**2- Năng lực:**

- Phân tích về các mối quan hệ Địa lý: Giữa điều kiện tự nhiên và phân bố dân cư, phát triển các ngành kinh tế của ba vùng kinh tế trên

- Năng lực khai thác Atlat Địa lý Việt nam, phân tích bảng số liệu, vẽ, phân tích, nhận dạng các loại biểu đồ

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

**3 - Phẩm chất**

- Trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm

- Yêu quê hương đất nước, bảo vệ môi trường…

**B. DẠNG BÀI**

1. Trắc nghiệm: có nhiều lựa chọn nhưng chỉ có 1 đáp án đúng

2. Tự luận : Phân tích, nhận xét, rút ra bài học lịch sử

1. **BÀI TẬP**

**Phần I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM:**

***Câu 1.******Tư liệu sản xuất nào không thể thay thế được của ngành nông nghiệp?***

A. Đất đai B. Khí hậu C. Nước D. Sinh vật

***Câu 2.******Việt Nam chính thức gia nhập tổ chức Thương mại thế giới vào năm nào (WTO)?***

A. 2000          B. 2002           C. 2005           D. 2007

***Câu 3. Khu vực có diện tích đất phù sa lớn nhất nước ta là:***

A. Các vùng trung du và miền núi. B. Vùng Đồng bằng sông Hồng.

C. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long. D. Các đồng bằng ở duyên hải Miền Trung.

***Câu 4.******Công cuộc đổi mới kinh tế nước ta bắt đầu từ năm:***

A. 1986         B. 1987        C. 1979         D. 1995

***Câu 5. Hạn chế của tài nguyên nước ở nước ta là:***

A. Chủ yếu là nước trên mặt, nguồn nước ngầm không có.

B. Phân bố không đều giữa các vùng lãnh thổ.

C. Phân bố không đều trong năm gây lũ lụt và hạn hán.

D. Khó khai thác để phục vụ nông nghiệp vì hệ thống đê ven sông.

***Câu 6.******Số dân thành thị nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây chủ yếu là do nguyên nhân nào sau đây?***

A. Tác động của hội nhập kinh tế toàn cầu. B. Tác động của quá trình công nghiệp hóa.

C. Ở đô thị có cơ sở hạ tầng ngày càng tốt. D. Ở đô thị dễ kiếm việc làm có thu nhập.

***Câu 7.******Vùng nào sau đây có số dân đô thị lớn nhất nước ta hiện nay?***

A. Đông Nam Bộ. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.

C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

***Câu 8. Vùng có số lượng đô thị ít và dân số đô thị thấp nhất Việt Nam là:***

A. Bắc Trung Bộ.       B. Tây Nguyên.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ.        D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

***Câu 9. Hai đô thị đặc biệt của nước ta là***

A. Hà Nội, Hải Phòng. B. Hải Phòng, Đà Nẵng.

C. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh. D. Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh.

***Câu 10. Các dân tộc ít người nước ta thường phân bố ở đâu?***

A. Trung du, đồng bằng. B. Miền núi, duyên hải.

C. Đồng bằng, duyên hải. D. Miền núi, trung du.

***Câu 11. Dựa vào Átlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết tỉnh nào sau đây* không *thuộc tiểu vùng Tây Bắc?***

A.Hòa Bình B.Quảng Ninh C.Điện Biên D.Lai Châu

***Câu 12. Dựa vào Atlat Địa lý VN trang 22, cho biết đâu là nhà máy nhiệt điện ở Trung du miền núi Bắc Bộ?***

A.Hòa Bình B. Uông Bí C.Phú Mĩ D.Sơn La

***Câu 13. Dựa vào Atlat Địa lý VN trang 22, cho biết các nhà máy thủy điện Sơn La, Hòa Bình nằm trên dòng sông nào?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Đà | B. Lô | C. Gâm | D. Chảy |

***Câu 14. Dựa vào Atlat Địa lý VN trang 26, cho biết các trung tâm kinh tế quan trọng ở Trung du miền núi Bắc Bộ là:***

A. Lào Cai, Điện Biên Phủ, Sơn La, Hòa Bình

B. Móng Cái, Tuyên Quang, Bắc Giang, Bắc Kạn.

C. Thái Nguyên, Việt Trì, Hạ Long, Lạng Sơn

D. Cẩm Phả, Cao Bằng, Hà Giang, Uông Bí

***Câu 15. Khoáng sản giàu có nhất của vùng Đông Bắc là:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Apatit | B. Quặng thiếc | C. Quặng sắt | D. Than đá |

***Câu 16. Về mặt tự nhiên, vùng Trung du miền núi Bắc Bộ có đặc điểm chung là***

A. chịu sự chi phối sâu sắc của độ cao địa hình

B. chịu tác động rất lớn của biển

C. chịu ảnh hưởng sâu sắc của vĩ độ

D. chịu ảnh hưởng nặng của mạng lưới thủy văn

***Câu 17. Đặc điểm nào sau đây* không *thuộc Trung du miền núi Bắc Bộ?***

A. có diện tích lớn nhất so với các vùng khác

B. có sự phân hóa thành hai tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc

C. có số dân đông nhất so với các vùng khác.

D. giáp cả Trung Quốc và Lào

***Câu 18. Phần lớn công nghiệp chế biến khoáng sản ở Trung du và miền núi phía Bắc phân bố ở đâu?***

|  |  |
| --- | --- |
| A. Địa bàn trung du | C. Tỉnh Quảng Ninh |
| B. Gần các nhà máy thủy điện lớn | D. Nơi khai thác khoáng sản |

***Câu 19. Những tỉnh nào sau đây có diện tích trung du khá phổ biến?***

|  |  |
| --- | --- |
| A. Lào Cai, Thái Nguyên, Bắc Cạn | C. Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang |
| B. Cao Bằng, Hà Giang, Lạng Sơn | D. Yên Bái, Lào Cai, Sơn La |

***Câu 20. Trung du và miền núi Bắc Bộ có khí hậu:***

|  |  |
| --- | --- |
| A. Nhiệt đới có mùa đông lạnh | C. Chí tuyến lục địa |
| B. Cận nhiệt đới có mùa đông lạnh | D. Nhiệt đới khô |

***Câu 21. Tính đa dạng về cơ cấu sản phẩm nông nghiệp của Trung du miền núi Bắc Bộ thể hiện ở chỗ có cả***

A. cây lương thực, cây ăn quả, và cây thực phẩm

B. cây công nghiệp, cây ăn quả và cây dược liệu

C. cây nhiệt đới, cây cận nhiệt và cả cây ôn đới

D. cây thực phẩm, cây ăn quả và cây công nghiệp

***Câu 22. Các ký hiệu sau đây: thể hiện cho khoáng sản nào trên bản đồ là đúng:***

A. : Than : Thiếc : Đồng : Sắt

B. : Thiếc : Sắt : Than : Đồng

C. : Sắt : Đồng : Thiếc : Than

D. : Đồng : Than : Sắt : Thiếc

***Câu 23. Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp và cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có tác động chủ yếu nào sau đây đối với phát triển kinh tế - xã hội?***

A. Tăng cường xuất khẩu lao động. B. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp.

C. Mở rộng các hoạt động dịch vụ. D. Phát triển nông nghiệp hàng hóa.

***Câu 24. Cây công nghiệp lâu năm nào sau đây có diện tích trồng được mở rộng ở khu vực Trung du và miền núi Bắc Bộ trong các năm gần đây?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Sơn | B. Cà phê, chè, hồi và sơn | C. Chè, hồi | D. Hồi |

***Câu 25. Năm nào, thủ đô Hà Nội tròn 1000 năm tuổi?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 2010 | B. 2005 | C. 2020 | D. 2015 |

***Câu 26. Thế mạnh nào về tự nhiên tạo cho ĐBSH có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông?***

A. đất phù sa màu mỡ B. nguồn nước mặt phong phú

C. có một mùa đông lạnh D. địa hình bằng phẳng và hệ thống đê sông, đê biển

***Câu 27. Nhân tố chính nào tạo nên năng suất lúa Đồng bằng sông Hồng cao nhất nước ta?***

|  |  |
| --- | --- |
| A. Điều kiện thời tiết, khí hậu thuận lợi | C. Đất phù sa sông Hồng rất màu mỡ |
| B. Đảm bảo tốt về thủy lợi | D. Trình độ thâm canh cao |

***Câu 28. Giải pháp chủ yếu nào sau đây để giải quyết tình trạng thiếu việc làm hiện nay ở Đồng bằng sông Hồng?***

A. Đa dạng hóa các hoạt động sản xuất. B. Tập trung phát triển nông nghiệp hàng hóa.

C. Phân bố lại dân cư và nguồn lao động. D. Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu lao động.

***Câu 29*. *Cho diện tích lúa Việt Nam năm 2019 là 7,50 triệu ha; Sản lượng lúa cả năm là 12,14 triệu tấn. Vậy năng suất lúa (tạ/ha) là khoảng:***

A.1,6 tạ/ha B. 1,7 tạ/ha C.16,1 tạ/ha D.16,2 tạ/ha

***Câu 30: Cho bảng số liệu sau đây: DÂN SỐ VÀ DIỆN TÍCH VÙNG ĐBSH 2006***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Địa phương | Dân số (nghìn người) | Diện tích (km2) |
| Đồng bằng sông Hồng | 18207,9 | 14863 |

Mật độ dân số của Đồng bằng sông Hồng năm 2006 là:

A. 1230 người/km2  B. 1235 người/km2  C. 1330 người/km2  D. 1225 người/km2

***Câu 31. Các điểm du lịch nổi tiếng* không *thuộc Bắc Trung Bộ là:***

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đồ Sơn, Cát Bà | C. Cố đô Huế, Phong Nha - Kẻ Bàng |
| B. Sầm Sơn, Thiên Cầm | D. Nhật Lệ, Lăng Cô |

***Câu 32. Các trung tâm kinh tế quan trọng của Bắc Trung Bộ là:***

|  |  |
| --- | --- |
| A. Thanh Hóa, Vinh, Hà Tĩnh | C. Thanh Hóa, Vinh, Huế |
| B. Vinh, Đồng Hới, Đông Hà | D. Bỉm Sơn, Cửa Lò, Đồng Hới |

***Câu 33. Di sản văn hóa thế giới ở Bắc Trung Bộ được UNESCO công nhận là ở****:*

|  |  |
| --- | --- |
| A. Phong Nha – Kẻ Bàng | C. Phố cổ Hội An |
| B. Di tích Mĩ Sơn | D. Cố đô Huế |

***Câu 34. Điều gì sau đây là* không *đúng với điều kiện tự nhiên ở Bắc Trung Bộ?***

A. Đất phù sa ở Bắc Trung Bộ kém màu mỡ hơn đất phù sa châu thổ sông Hồng.

B. Trở ngại lớn nhất để phát triển nông nghiệp ở Bắc Trung Bộ là thiếu đất canh tác.

C. Tỉnh nào ở Bắc Trung Bộ có cùng có thế mạnh về kinh tế nông-lâm-ngư nghiệp.

D. Phần lớn khoáng sản ở Bắc Trung Bộ tập trung ở Bắc Hoành Sơn.

***Câu 35. Hoạt động kinh tế chủ yếu ở khu vực đồi núi phía Tây vùng Bắc Trung Bộ là:***

A. nghề rừng, trồng cây công nghiệp lâu năm, nuôi trâu bò đàn

B. nuôi trồng thủy sản, sản xuất lương thực, cây công nghiệp hằng năm

C. trồng cây công nghiệp hằng năm, đánh bắt thủy sản

D. sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ

***Câu 36. Loại cây nào được trồng trên diện tích lớn ở vùng đất cát pha duyên hải ở Bắc Trung Bộ?***

|  |  |
| --- | --- |
| A. cây lúa và hoa màu | C. cây cao su và cà phê |
| B. cây lạc và vừng | D. cây thực phẩm và cây ăn quả |

***Câu 37.*** ***Cho bảng số liệu:Cơ cấu sử dụng lao động theo khu vực kinh tế (đơn vị: %)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm  Khu vực kinh tế | 1995 | 2000 | 2005 | 2007 |
| Nông, lâm, thủy sản | 71,2 | 65,1 | 57,2 | 53,9 |
| Công nghiệp và xây dựng | 11,4 | 13,1 | 18,2 | 20,0 |
| Dịch vụ | 17,4 | 21,8 | 24,6 | 26,1 |

***Căn cứ vào bảng số liệu sự thay đổi trong sử dụng lao động theo theo khu vực kinh tế ở nước ta 1995 – 2007, em hãy chọn biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện.***

A.Cột B. Tròn C. Đường D. Miền

***Câu 38.******Cho bảng số liệu sau:***

“Cơ cấu sử dụng lao động theo ngành ở Việt Nam năm 1989 và năm 2003 (%)”

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm**  **Ngành** | **1989** | **2003** |
| **Nông – lâm – ngư nghiệp** | 71,5 | 60,3 |
| **Công nghiệp – xây dựng** | 11,2 | 16,5 |
| **Dịch vụ** | 17,3 | 23,2 |

***Loại biểu đồ nào phù hợp nhất để thể hiện cơ cấu sử dụng lao động theo ngành ở Việt Nam năm 1989 và năm 2003 (%)?***

A.Cột B. Tròn C. Đường D. Miền

**Phần II. CÂU HỎI TỰ LUẬN**

***Câu 39.******Vì sao khai thác khoáng sản là thế mạnh của tiểu vùng Đông Bắc, còn phát triển thuỷ điện là thế mạnh của tiểu vùng Tây Bắc?***

***Câu 40.******Nêu ý nghĩa của việc phát triển nghề rừng theo hướng nông - lâm kết hợp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.***

***Câu 41. Cho bảng số liệu: số dân, diện tích gieo trồng và sản lượng lúa của đồng bằng sông Hồng, ĐBSCL và cả nước năm 2009***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Vùng*** | ***Diện tích lúa***  ***( nghìn ha)*** | ***Sản lượng lúa***  ***( nghìn tấn)*** | ***Số dân***  ***( nghìn người)*** |
| ***Cả nước*** | ***7440,1*** | ***38895,5*** | ***86024,6*** |
| ***Đồng bằng sông Hồng*** | ***1049,9*** | ***6267,2*** | ***17475,4*** |
| ***ĐBS Cửu Long*** | ***3872,9*** | ***20483,4*** | ***17267,6*** |

*a. Tính năng suất lúa( tạ/ha), bình quân sản lượng lúa trên đầu người( kg/người) của cả nước và hai vùng đồng bằng trên*

*b. Nhận xét và giải thích tại sao có sự khác nhau về năng suất lúa và bình quân sản lượng lúa trên đầu người giữa hai vùng đồng bằng.*

***Câu 42. Dựa vào bảng số liệu sau:***

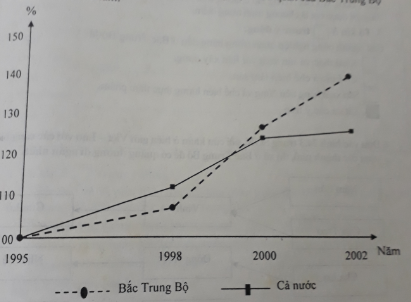
TỐC ĐỘ TĂNG LƯƠNG THỰC BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA

BẮC TRUNG BỘ VÀ CẢ NƯỚC SO VỚI NĂM 1995

(NĂM 1995=100%)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | 1995 | 1998 | 2000 | 2002 |
| Bắc Trung Bộ | 100 | 107 | 128,4 | 142,9 |
| Cả nước | 100 | 112,3 | 125,5 | 127,7 |

a) Cho biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng lương thực bình quân của Bắc Trung Bộ và cả nước qua các năm:



*Tốc độ tăng trưởng lương thực bình quân của Bắc trung Bộ*

*và cả nước thời kỳ 1995-2002 (%)*

b) Nhận xét: tốc độ tăng trưởng lương thực bình quân đầu người của Bắc Trung Bộ và cả nước thời kỳ 1995-2002.

*Ngày 23 tháng 11 năm 2023*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BGH duyệt** | **Tổ, nhóm** | **Giáo viên ra đề cương**  **Chu Thị Trúc** |